

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4703000057 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 08 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 05 năm 2006.

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Đăng ký niêm yết số/ĐKNY

do Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày tháng năm 2008

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢO VIỆT (BVSC)



BẢN CÁO BẠCH NÀY SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY / /2008 TẠI:

Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa

Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, Biên Hoà, Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-061) 33836121

Fax: (84-061) 33 836 030

Điện thoại: (84-4) 3928 8080

Fax: (84-4) 3928 9888

Điện thoại: (84-8) 3914 1992

Fax: (84-8) 3914 1991

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Nguyễn Hoàng – Thư ký Công ty**

Điện thoại: 0909020436 - (84-061)33836121

Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, Biên Hoà, Đồng Nai

Fax: (84-061) 33 836 030

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA (SOVI)

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4703000057 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 08 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 05 năm 2006)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.
Loại cổ phiếu:	cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết:	3.900.000 cổ phiếu.
Tổng giá trị niêm yết:	39.000.000.000 đồng (Ba mươi chín tỷ đồng).

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Trụ sở chính:	Số 8 Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Chi nhánh:	11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại:	(84-4) 3928 8080
Fax:	(84-4) 3928 9888

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty kiểm toán DTL

Trụ sở:	Lầu 5, tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, quận 1
Điện thoại:	(84 - 08) 38275026
Fax:	(84 - 08) 38275027

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1. RỦI RO KINH TẾ	1
2. RỦI RO LUẬT PHÁP	1
3. RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU	1
4. RỦI RO CẠNH TRANH	2
5. RỦI RO TỶ GIÁ	2
6. RỦI RO NGÀNH	3
7. RỦI RO KHÁC	3
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	3
1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT	3
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT	3
III. CÁC KHÁI NIỆM	4
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	4
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	4
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	4
1.2. Giới thiệu Công ty	5
1.3. Cơ cấu vốn cổ phần	6
2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ	6
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 30/09/2008	13
5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	13
6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	14
6.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty	14
6.2. Doanh thu, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh qua các năm	15
6.3. Nguyên vật liệu	17
Chi phí sản xuất	18
6.5. Trình độ công nghệ	19
6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	23
6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ	24
6.8. Hoạt động Marketing	24
6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ	25
6.10. Một số đồng lớn đã, đang được thực hiện	25
7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 02 NĂM GẦN NHẤT	27
7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006 và 2007	27

7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007	28
8.	VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH	28
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	28
8.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	29
9.	CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....	30
9.1.	Số lượng người lao động trong Công ty.....	30
9.2.	Chính sách đối với người lao động	31
10.	CHÍNH SÁCH CỔ TỨC	33
11.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	33
11.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	33
11.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	36
12.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	37
12.1.	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	37
12.2.	Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	45
12.3.	Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	49
13.	TÀI SẢN	50
13.1.	Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2007	50
13.2.	Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo kiểm toán tài chính tại thời điểm 30/09/2008.....	50
13.3.	Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng	51
14.	KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2008- 2010	51
15.	ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC.....	54
16.	THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY.....	55
17.	CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN	55
V.	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	55
1.	Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông.....	55
2.	Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.....	55
3.	Tổng số cổ phiếu niêm yết : : 3.900.000 cổ phiếu.....	55
4.	Giá trị sổ sách.....	55
5.	Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	55
6.	Các hạn chế chuyển nhượng.....	56
7.	Các loại thuế có liên quan.....	56
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	56
1.	TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT	56
2.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	57
PHỤ LỤC	57

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO KINH TẾ

Với việc hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, kinh tế nước ta cũng sẽ bị tác động mạnh mẽ theo những yếu tố này. Do đó, sự biến động của kinh tế thế giới cũng có thể ảnh hưởng lớn đến kinh tế nước ta và điều này sẽ làm ảnh hưởng đến sự tăng trưởng và phát triển của các ngành công nghiệp trong nước.

Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2002 đạt 7,1%, năm 2003 đạt 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4% và năm 2006 là 8,17%, 2007 là 8,2%. Theo nhận định của các chuyên gia phân tích kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng và duy trì ở mức từ 6-7%/năm.

Như vậy, sự phát triển kinh tế sẽ kéo theo sự phát triển của hầu hết các ngành công nghiệp và với những sản phẩm chủ lực là bao bì carton, in offset cung cấp cho các ngành công nghiệp khác thì có thể nhìn nhận rằng, trong tương lai, Công ty còn có khả năng phát triển hơn nữa và rủi ro về kinh tế không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty trong thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

2. RỦI RO LUẬT PHÁP

Là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, do đó, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa (Sovi) chịu sự điều chỉnh bởi một số luật chủ yếu như Luật doanh nghiệp và một số Luật khác có liên quan.

Trong tương lai Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa sẽ niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Vì vậy Công ty sẽ phải chịu mọi sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn khác có liên quan .

Hiện tại, các bộ Luật nước ta đang trong giai đoạn hoàn thiện để đáp ứng ngày một tốt hơn cho nhu cầu phát triển và hội nhập của nền kinh tế. Do đó, Công ty có thể chịu ảnh hưởng do những thay đổi này.

3. RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nên Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa vẫn chịu ảnh hưởng và đối mặt với yếu tố đầu vào là nguyên vật liệu. Hiện nay, sản

phẩm chính của Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa là bao bì giấy nên nguồn đầu vào của Sovi là nguyên liệu giấy cuộn được cung cấp từ nguồn trong nước và nhập khẩu. Do nguyên liệu giấy được làm từ bột gỗ hoặc giấy vụn (trong đó bột gỗ là chính) được sản xuất từ các nước Châu Âu và Bắc Mỹ nên các công ty sản xuất bao bì trong đó có Sovi lệ thuộc khá nhiều vào các nguồn này. Thời gian vừa qua, tình hình nguyên liệu giấy cuộn đang khan hiếm trầm trọng do các nước ở khu vực trên cắt giảm sản lượng giấy mạnh vì ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh... nên các công ty sản xuất bao bì giấy trong đó có Sovi chịu sự tác động này.

Tuy nhiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa đã có Xưởng Xeo giấy chuyên sản xuất giấy cuộn từ phế liệu (giấy vụn) thải ra trong quá trình sản xuất sản phẩm bao bì Carton và bao bì offset và hiện nay Sovi đã có quyết định mở rộng Xưởng Xeo giấy với công suất 10.000 tấn/năm nên Công ty có khả năng hạn chế tối đa những rủi ro khan hiếm nguồn nguyên liệu mang lại.

4. RỦI RO CẠNH TRANH

Cùng với sự tăng trưởng cao của nền kinh tế là sự phát triển vượt bậc của hầu hết các ngành công nghiệp. Do đó, sẽ có sự gia nhập ngành của một số công ty mới và như vậy, áp lực cạnh tranh sẽ ngày càng cao đối với Công ty.

Ngoài ra, việc Việt Nam gia nhập WTO cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thuế quan, điều này có khả năng thu hút một số công ty hoạt động cùng ngành có tiềm lực tài chính mạnh của các nước trong khu vực và trên thế giới. Do đó, Công ty có thể bị cạnh tranh khốc liệt về giá, chiến lược kinh doanh cũng như chất lượng sản phẩm và dịch vụ.

Tuy nhiên, ngành công nghiệp sản xuất bao bì là một ngành phụ trợ đắc lực cho hầu hết các ngành công nghiệp khác, và với sự đầu tư đúng hướng cùng với thực lực hiện có, Công ty có khả năng hạn chế tối đa những rủi ro do ngành mang lại.

5. RỦI RO TỶ GIÁ

Nguồn nguyên liệu chính sản xuất sản phẩm chính của Công ty bao gồm giấy mặt và giấy sóng, trong đó, giấy mặt chủ yếu là nhập khẩu. Do sản phẩm của Công ty có thị trường tiêu thụ chủ yếu là trong nước nên không có nguồn dự trữ ngoại tệ. Mặt khác, các phụ tùng thiết bị thay thế của máy móc thiết bị của công ty đa phần là phải nhập ở nước ngoài, do đó, khi tỷ giá hối đoái trên thị trường biến động theo chiều hướng bất lợi sẽ ảnh hưởng đến giá cả của nguyên liệu, phụ tùng thiết bị nhập kho, làm cho hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, với chính sách khuyến khích xuất khẩu của nước ta hiện nay thì tỷ giá có xu hướng tăng lên nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu. Do đó, rủi ro về tỷ giá có thể nhìn nhận là ảnh hưởng không nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6. RỦI RO NGÀNH

Sản phẩm chính của Công ty là bao bì carton và các sản phẩm in offset, thị trường tiêu thụ chính sản phẩm của Công ty là thị trường trong nước. Do đó, nếu có sự biến động thị trường trong nước sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hoả hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Ông LÊ QUỐC TUYẾN	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa.
Bà LÊ THỊ TUYẾT	Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa.
Ông TRẦN HỮU ĐỨC	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa.

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Ông NGUYỄN QUANG VINH	Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
------------------------------	--

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin phép niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết cổ phiếu với Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn các

số liệu, ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản cáo bạch:

Công ty	:	Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa
CNĐKKD	:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
Sovi	:	Tên viết tắt của Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa
DT	:	Doanh thu
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội
ISO	:	Tiêu chuẩn quốc tế (International Standards Organization)
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
Tổ chức phát hành	:	Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa
TTGDCK	:	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
LNTT	:	Lợi nhuận trước thuế
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
Người có liên quan	:	Gồm những đối tượng được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
VĐL	:	Vốn điều lệ
WTO	:	Tổ chức Thương mại thế giới (World Trade Organization)
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trước năm 1975, Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa được hình thành từ một nhà máy sản xuất bao bì carton nhỏ có thương hiệu là Sovi. Sau năm 1975, Nhà máy này được Nhà nước tiếp quản và chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh được lấy tên là Nhà máy bao bì Biên Hòa. Khi được tiếp quản, Nhà máy có công suất thiết kế toàn bộ dây chuyền thiết bị là 5.000 tấn/năm, chuyên sản xuất thùng Carton 3 lớp, 5 lớp, và sản lượng bình quân chỉ chiếm khoản 4000 – 4500 tấn/năm.

Với chính sách mở cửa từ Đại hội VI của Đảng, do đó tình hình kinh tế xã hội Việt Nam có bước chuyển biến rõ rệt, tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp liên tục tăng nhanh

trong các năm tiếp theo, điều này đã kéo theo ngành sản xuất bao bì ngày càng phát triển. Nhận thức được ngành bao bì carton có tiềm năng phát triển mạnh, Nhà máy không ngừng đầu tư các dự án chiều sâu, chuyển giao các công nghệ hiện đại từ những nước có nền công nghiệp phát triển để mở rộng quy mô sản xuất nhằm tăng sản lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm bao bì carton, đáp ứng ngày nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Thực hiện chủ trương của Nhà nước, với mục đích nâng cao năng lực sản xuất và tính tự chủ trong kinh doanh, tháng 9/2003, nhà máy chính thức chuyển sang hình thức công ty cổ phần, lấy tên là Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà trực thuộc Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

Trải qua hơn 30 năm hoạt động và phát triển, Sovi đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành sản xuất bao bì carton. Sản phẩm của Sovi có khả năng cạnh tranh cao, được các công ty hàng đầu Việt Nam cũng như các công ty liên doanh ký hợp đồng cung cấp dài hạn: Lever Việt Nam, Kinh Đô, Bibica, Coca-Cola...

Với những kết quả đạt được cộng với những đóng góp chung cho sự phát triển của tỉnh Đồng Nai, Công ty cũng đã vinh dự nhận được những danh hiệu cao quý từ các cấp. Những danh hiệu mà Công ty đạt được là:

- Huân chương lao động hạng 2,3.
- Bằng khen của Chính Phủ, Bộ Công nghiệp.
- Liên tục 5 năm liền (1995-2000) được Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tặng cờ thi đua xuất sắc lá cờ đầu ngành Công nghiệp địa phương.
- Hai bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai tặng thưởng về thành tích nộp vượt ngân sách.

1.2. Giới thiệu Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà
- Tên viết tắt : SOVI
- Tên Tiếng Anh : BIEN HOA PACKAGING COMPANY

- Biểu tượng của Công ty :



- Trụ sở : Đường số 7, KCN Biên Hoà 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (84-061) 3 836 121
- Fax: : (84-061) 3 836 030
- Email : sovi@sovi.com.vn
- Website : www.sovi.vn
- Giấy CNĐKKD : Số 4703000057 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/08/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 10/05/2006.
- Vốn điều lệ : 39.000.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ đồng*).
- Ngành nghề kinh doanh của Công ty: sản xuất, kinh doanh bao bì giấy và giấy; kinh doanh nguyên vật liệu liên quan đến bao bì và giấy.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Tính đến ngày 30/09/2008, cơ cấu vốn cổ phần của Công ty như sau:

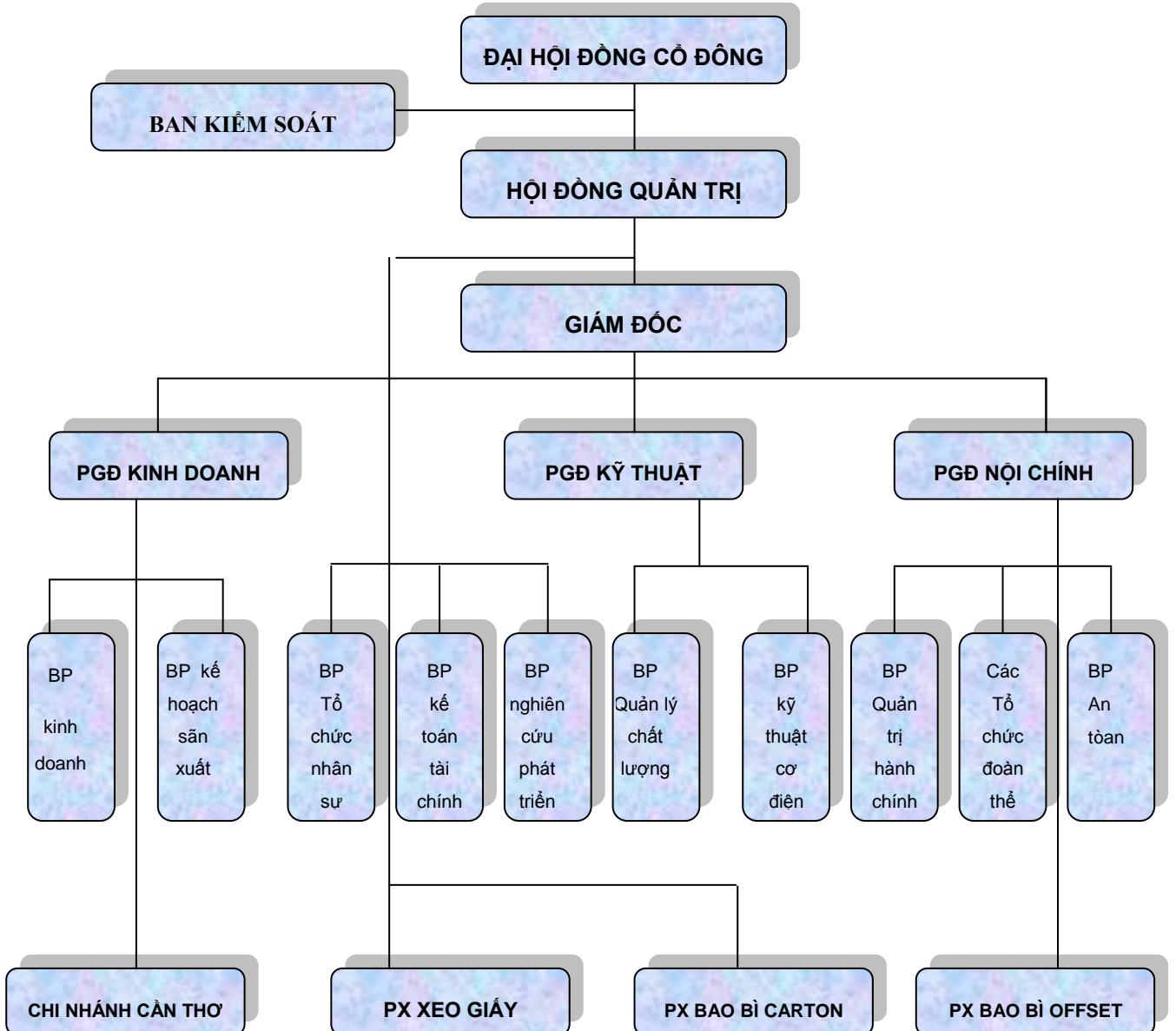
Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1. Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2.081.940	53,38%
2. Cổ đông HĐQT, BKS, KTT, BGĐ	317.890	8,15%
3. Cổ đông là CBCNV	405.100	10,39%
4. Cổ đông cá nhân bên ngoài Công ty	1.095.070	28,08%
Tổng cộng	3.900.000	100%

Nguồn: Sovi

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật doanh nghiệp 2005, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA SOVI

**Đại hội đồng cổ đông**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của

ĐHĐCĐ thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc

Do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm, Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CÁC PHÒNG, BAN

Bộ phận Tổ chức nhân sự & Kiểm soát nội bộ:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc về công tác: Tổ chức bộ máy, cán bộ, nhân sự, lương, thưởng, các chế độ phúc lợi và kiểm soát việc thực hiện các nội quy, quy định của Công ty.

b/ Nhiệm vụ:

- Nghiên cứu tư vấn xây dựng, phát triển và sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy, đề xuất việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cho các đơn vị thuộc Công ty, quy hoạch, phát triển đội ngũ CB-CNV phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty.
- Thiết lập mục tiêu, kế hoạch tuyển dụng, xây dựng quy trình tuyển dụng và các công cụ tuyển dụng. Xây dựng bảng mô tả công việc, hướng dẫn công việc và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá chính xác kết quả làm việc, thành tích và năng lực nhân viên.
- Phối hợp với các bộ phận khác trong Công ty trong việc xây dựng định mức lao động cho từng người lao động, xây dựng bảng đánh giá các chức danh công việc cho từng vị trí công việc làm cơ sở xây dựng thành bảng lương. Tính và chi trả lương, thưởng và các chế độ phúc lợi theo đúng quy định của Nhà nước.

- Thiết lập mục tiêu quy trình và chính sách đào tạo, phát triển nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ quản lý cho CB-CNV. Thực hiện việc đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo hàng năm.
- Thực hiện việc kiểm soát và đánh giá việc triển khai, thực hiện các hệ thống quản lý toàn công ty.

Bộ phận Tài chính - Kế toán:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc về công tác quản lý tính hiệu quả tài chính hoạt động và chế độ kế toán, bao gồm:

- Hoạch định chiến lược quản trị tài chính và hoạt động kế toán của Công ty.
- Thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán theo quy định của Nhà nước và điều lệ hoạt động của công ty.
- Phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính Công ty.

b/ Nhiệm vụ:

- Tham mưu cho Giám đốc trong việc thẩm định các dự án đầu tư tài chính của Công ty trong từng thời kỳ. Tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình tài chính Công ty và trên cơ sở đó đề xuất cho Ban Giám đốc các giải pháp đầu tư tài chính có hiệu quả.
- Xây dựng các biểu mẫu, thống kê, báo cáo kế toán. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện các quy định quản lý tài chính toàn Công ty.
- Xây dựng hệ thống thông tin số liệu đảm bảo tính kịp thời, chính xác, hiệu quả.
- Tổ chức thực hiện công tác kế toán, báo cáo quyết toán các nguồn vốn hàng năm theo quy định của pháp luật về kế toán của Nhà nước. Thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của công tác thống kê và thông tin kinh tế đối với các đơn vị kế toán và cơ quan chủ quản cấp trên.
- Xác định chi phí, giá thành cũng như việc tổng hợp, lập báo cáo tài chính Công ty trình lên HĐQT, Ban kiểm soát. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ kế toán theo quy định.

Bộ phận kinh doanh:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Ban giám đốc điều hành trong việc hoạch định chiến lược mua bán sản phẩm, chăm sóc khách hàng và phát triển kinh doanh của Công ty.

b/ Nhiệm vụ:

- Nghiên cứu thị trường (thu thập và phân tích các thông tin về đối thủ, khách hàng, thị trường).
- Xây dựng chương trình, lập kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động quảng cáo, quảng bá sản phẩm của Công ty.
- Thực hiện công tác truyền thông – giao tế để hỗ trợ cho hoạt động bán hàng.

Bộ phận sản xuất:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch, thiết kế sản phẩm và triển khai quản lý quá trình sản xuất sản phẩm nhằm đảm bảo với thời gian nhanh nhất, chất lượng tốt và giá thành giảm. Theo dõi và quyết toán nguyên vật liệu để chuẩn bị cho sản xuất.

b/ Nhiệm vụ:

- Chuẩn bị sản xuất;
- Điều độ sản xuất;
- Thiết kế sản phẩm;
- Quản lý kho nguyên vật liệu và giấy cuộn;
- Quản lý đội xe nâng hàng.

Bộ phận nghiên cứu phát triển:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc về các chiến lược phát triển Công ty, nghiên cứu triển khai các sản phẩm mới.

b/ Nhiệm vụ:

- Tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh Công ty, phối hợp với các bộ phận để phân tích xu hướng phát triển của thị trường.

- Hoạch định chiến lược và xây dựng kế hoạch, mục tiêu kinh doanh, xây dựng các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh cũng như điều hành, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án.
- Thực hiện các chương trình quảng bá thương hiệu, xây dựng các mối quan hệ với giới truyền thông báo chí nhằm duy trì và phát triển nhãn hiệu Công ty trên thị trường. Phân tích và đánh giá hiệu quả các chương trình quảng cáo khuyến mãi và phát triển thị trường.

Bộ phân kỹ thuật cơ điện:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc về hoạch định, quản lý và cải tiến công nghệ, quản lý và giám sát việc sửa chữa thiết bị, xây dựng định mức, năng suất, an toàn lao động, môi trường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng công nghệ thiết bị trong sản xuất kinh doanh.

b/ Nhiệm vụ:

- Xây dựng mục tiêu, chiến lược về đầu tư, phát triển, sử dụng hiệu quả trang thiết bị, công nghệ của Công ty.
- Xây dựng các tài liệu về quy trình kỹ thuật, công nghệ cho toàn bộ thiết bị máy móc trong Công ty.
- Tổ chức, kiểm tra và theo dõi quá trình vận hành thiết bị, công nghệ sản xuất, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, năng suất; theo dõi chăm sóc bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị nhằm đưa ra những kế hoạch phòng ngừa, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Quản lý việc sửa chữa máy móc thiết bị, quản lý các chương trình phát huy sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm năng lượng và môi trường trong toàn Công ty.

Bộ phân quản lý chất lượng:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc về đảm bảo và phát triển chất lượng sản phẩm, nguyên liệu và áp dụng, duy trì và nâng cao hiệu quả Hệ thống chất lượng của Công ty.

b/ Nhiệm vụ:

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.
- Phát triển chất lượng sản phẩm.

- Đảm bảo chất lượng nguyên liệu.
- Áp dụng và duy trì hệ thống: hệ thống chất lượng ISO 9001: 2000 trong phạm vi toàn Công ty.
- Nâng cao hiệu quả của hệ thống chất lượng ISO 9001: 2000.

Bộ phận quản trị hành chính:

a/ Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc về công tác văn thư lưu trữ, lễ tân; công tác bảo vệ an ninh trật tự, PCCC và bảo quản trang thiết bị, tài sản, vệ sinh công nghiệp nhằm phục vụ tốt nhất cho các bộ phận khác theo yêu cầu mục tiêu của Công ty.

b/ Nhiệm vụ:

- Thực hiện công tác hành chính: văn thư lưu trữ, tổ chức in ấn... Tiếp nhận, phân loại văn thư đi, đến; quản lý con dấu, chữ ký theo quy định; cấp giấy công tác, giấy giới thiệu và các giấy xác nhận cho CB-CNV, sao lục văn bản của cấp trên theo quy định của Giám đốc.
- Tổ chức thực hiện công tác lễ tân, trực điện thoại, fax, mail, đánh các văn bản, cấp phát văn phòng phẩm.
- Thống kê quản lý và bảo vệ tài sản, các trang thiết bị văn phòng, bảo vệ chính trị nội bộ, kiểm tra công tác thực hiện nội quy lao động, công tác an toàn phòng chống cháy nổ.
- Hướng dẫn thực hiện và kiểm tra an toàn vệ sinh lao động, chăm lo sức khỏe, thực hiện sơ cấp cứu cho người lao động.
- Quản lý, duy trì và cải tiến hệ thống mạng, các chương trình phần mềm cũng như phát triển hệ thống máy tính cho toàn Công ty.

Các Phân xưởng sản xuất:

a/ Chức năng:

Tổ chức sản xuất bao bì carton theo đúng quy cách về chất lượng, số lượng, tiến độ sản xuất và giao hàng trên cơ sở đảm bảo chất lượng, định mức vật tư, năng suất, bảo quản, sử dụng có hiệu quả các thiết bị theo quy định của Công ty.

b/ Nhiệm vụ:

- Quản lý hoạt động sản xuất: Tiếp nhận và triển khai các quy trình đầu vào của quy trình sản xuất; tổ chức và triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất.
- Quản lý thiết bị phân xưởng.
- Quản lý sử dụng vật tư.
- Quản lý nguồn nhân lực.
- Duy trì kiểm tra, đánh giá thực hiện công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai theo quy định của Công ty; triển khai và duy trì hệ thống quản lý chất lượng tại phân xưởng theo đúng tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.
- Tổ chức các hoạt động công tác sáng kiến tiết kiệm của Phân xưởng.

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 30/09/2008

Tính đến thời điểm ngày 30/09/2008, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
1.	Tổng công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	2.081.940	20.819	53,38%
	Tổng cộng	2.081.940	20.819	53,38%

Nguồn: Sovi

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

5.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa

Tổng công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai

Địa chỉ : Số 21- Đường 2A- Khu công nghiệp Biên Hoà 2- TP. Biên Hoà

Điện thoại : 061.836110 Fax : 061.836132

Ngành nghề kinh doanh chính :

- Đầu tư trồng trọt, thu mua, chế biến thuốc lá nguyên liệu phục vụ cho sản xuất thuốc lá điếu, kinh doanh và xuất khẩu.

- Sản xuất, kinh doanh thuốc lá điếu các loại (cả nhãn hiệu thuốc lá điếu nước ngoài bằng hình thức liên doanh, liên kết hoặc chuyển nhượng bản quyền) phục vụ cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- Nhập khẩu trực tiếp các loại nguyên, phụ liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất thuốc lá.
- Sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại bao bì, vật tư phụ liệu phục vụ cho sản xuất thuốc lá.
- Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng.
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

5.2. Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối

Không có.

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

Hiện tại, Công ty đang sản xuất hai dòng sản phẩm chính, đó là:

Thùng carton:

- Sovi là một trong những nhà sản xuất và cung cấp bao bì carton hàng đầu tại Việt Nam với mức tăng trưởng hàng năm từ 20% đến 25%.
- Sản phẩm cung cấp cho thị trường gồm các chủng loại bao bì carton 3 lớp, 5 lớp với các loại sóng A, B, E.
- Sử dụng các nguồn nguyên liệu đa dạng trong và ngoài nước, đảm bảo sản phẩm làm ra phải có chất lượng cao, giá cả hợp lý phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Hộp Offset:

- Sovi có đủ khả năng sản xuất và cung cấp cho thị trường các loại hộp cao cấp sử dụng công nghệ in offset nhiều màu.
- Sản phẩm gồm các loại hộp giấy đơn, hộp giấy bồi với các loại sóng A, B, E, phục vụ cho các ngành giấy da, hoá mỹ phẩm, thực phẩm, bánh kẹo, điện tử v.v...

Thế mạnh về các sản phẩm của Công ty:

Sản phẩm carton của Sovi có các thế mạnh sau:

- Hao hụt sản phẩm thấp.
- Nguyên liệu giấy đầu vào nhập khẩu với số lượng nhiều nên giá cả cạnh tranh hơn so với đối thủ cạnh tranh. Đối với nguồn giấy mua trong nước thì được cung cấp từ các nhà cung ứng có uy tín và đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng của Sovi.
- Sản phẩm carton được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến nhất hiện nay của các Quốc gia Châu Âu và Châu Á.
- Sản phẩm được thiết kế bởi các nhân viên thiết kế chuyên nghiệp; có đội ngũ chuyên viên lành nghề và hệ thống quản lý nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Một số sản phẩm tiêu biểu của Công ty:

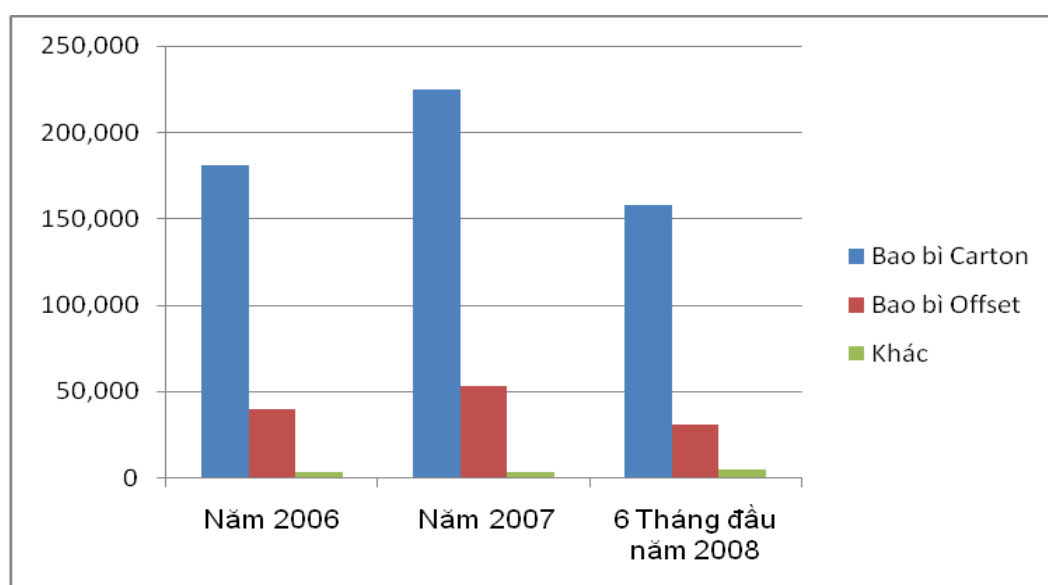
- Thùng Outer box và Inner box của sản phẩm bột giặt: Omo; Omomatic; Shorzt; Persil; Viso...
- Thùng Outer box của các sản phẩm bánh Snash của các nhãn hiệu nổi tiếng: Oshi; Tân Tân...
- Thùng Outer box của các sản phẩm nước uống: Café Trung Nguyên, Nước giải khát Chương Dương, Cocacola, Nước uống Joy...
- Thùng Outer box của sản phẩm nhiên liệu: Dầu nhớt Shell; BP; Vilube...
- Thùng Inner box của các sản phẩm thực phẩm: Bánh kẹo Bibica; Bánh Kinh Đô; Bánh Rita...
- Thùng inner của các sản phẩm hóa chất: hóa chất thuốc nông dược Bayer; Thuốc BVTV Sài Gòn...

6.2. Doanh thu, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh qua các năm**a. Doanh thu từng nhóm sản phẩm qua các năm**

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		6 Tháng đầu năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bao bì Carton	181.288	80,6%	225.130	79,8%	157.753	81,3%
Bao bì Offset	39.889	17,7%	53.410	18,9%	31.112	16,0%
Khác	3.881	1,7%	3.568	1,3%	5.262	2,7%
Tổng giá trị	225.058	100%	282.108	100%	194.127	100%

Nguồn: Sovi

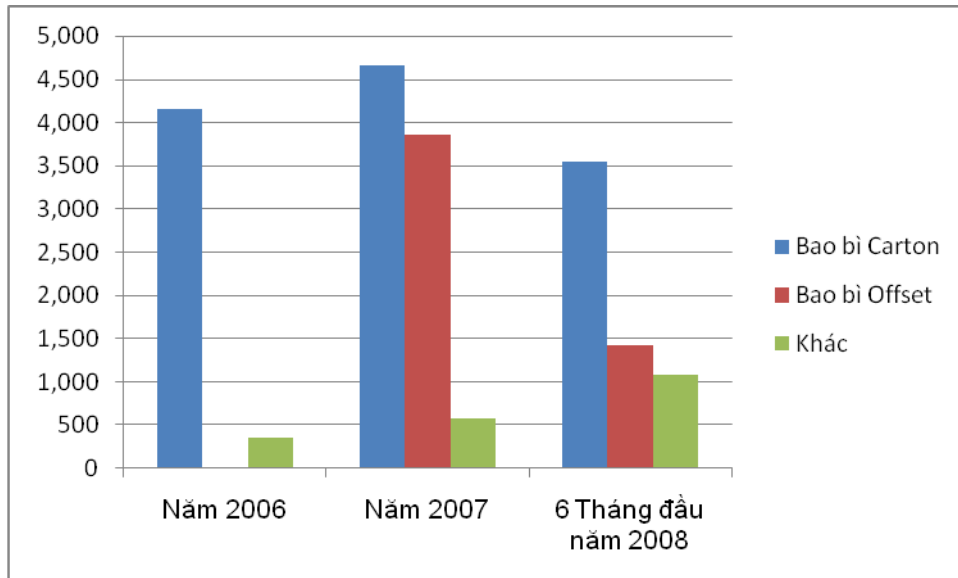


b. Lợi nhuận trước thuế của từng nhóm sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		6 Tháng đầu năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bao bì Carton	4.161	52,0%	4.665	51,3%	3.544	58,6%
Bao bì Offset	3.490	43,6%	3.856	42,4%	1.417	23,4%
Khác	351	4,4%	575	6,3%	1083	17,9%
Tổng giá trị	8.002	100%	9.096	100%	6.044	100%

Nguồn: Sovi



6.3. Nguyên vật liệu

a. Nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính dùng trong sản xuất của Công ty là giấy cuộn, mực in... được nhập từ những nhà cung cấp lớn có xuất xứ từ Nhật, Đài Loan và Việt Nam.

Hiện tại, Công ty cũng đã thiết lập và chọn lựa một số nhà cung cấp uy tín, danh sách những công ty cung cấp nguyên vật liệu:

STT	NGUYÊN LIỆU	TÊN NHÀ CUNG CẤP	XUẤT XỨ
1	Giấy cuộn	Công ty TNHH Xưởng Giấy Chánh Dương	Taiwan
2	Giấy cuộn	Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	Vietnam
3	Giấy cuộn	JPP FAREAST (S) PTE LTD	Japan
4	Giấy cuộn	Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	Vietnam
5	Dầu FO	Công ty TNHH TM Dầu khí Petechim	Vietnam
6	Dầu FO	Công ty TNHH xăng dầu Khu vực II	Vietnam
7	Giấy Duplex	Công ty TNHH TM Giấy Trường Sơn	Vietnam
8	Bột mì	Công ty XNK TM Công nghiệp vật tư Hùng Duy	Vietnam
9	Mực in	Công ty TNHH Sakata INX Vietnam	Japan

Nguồn: Sovi

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu gồm giấy, mực in... của Công ty một phần là nhập khẩu, một phần được mua từ các nhà cung cấp trong nước. Bất cứ sự biến động nào về nguồn cung cấp của nguyên liệu này trên thị trường thế giới cũng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành sản xuất bao bì giấy. Tuy nhiên do nguyên vật liệu của Công ty được cung cấp từ những công ty lớn trong nước và nhập khẩu từ các nhà sản xuất lớn và có uy tín trên thế giới, vì vậy nhìn chung nguồn nguyên liệu của Công ty trong những năm qua khá ổn định.

Ngành bao bì carton là ngành sản xuất với nguyên liệu chính là giấy, đây là nguyên liệu dễ tái chế nên đây được xem là một ngành thường ít có rủi ro trong thiếu hụt nguyên liệu.

Ngoài ra, Công ty luôn có khối lượng đặt mua lớn, luôn uy tín trong thanh toán nên được các nhà cung cấp đánh giá cao. Do đó, góp phần tạo sự ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Nguyên liệu dùng trong sản xuất của Công ty là giấy cuộn và mực in, là hai nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu giá vốn. Vì vậy, sự biến động giá nguyên liệu này sẽ ảnh hưởng lớn tới lợi nhuận của Công ty.

Trong những năm gần đây, giá nguyên liệu bột giấy tăng liên tục. Năm vừa qua giá bột giấy và các loại nguyên liệu phục vụ cho ngành sản xuất giấy tăng mạnh khiến giá giấy tăng theo. Sản lượng bột giấy nội địa không đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất giấy, hầu hết các doanh nghiệp sản xuất giấy phụ thuộc vào bột giấy nhập khẩu, trong khi giá cả bột giấy thường cao và biến động. Chính điều này đã kéo theo giá giấy tăng cao, gây ảnh hưởng đến trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên, hiện tại Công ty cũng đã có những bộ phận nghiên cứu giá cả nguyên vật liệu, kiểm soát định mức tiêu hao và ký thỏa thuận với một số đối tác cung cấp dài hạn nên cũng đã hạn chế tối đa sự biến động giá, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Chi phí sản xuất

Tỷ trọng chi phí trên doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2006		Năm 2007		9 tháng đầu năm 2008	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	195.228	86,7%	249.343	88,4%	272.342	88,4%
Chi phí bán hàng	7.872	3,5%	9.694	3,4%	9.477	3,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.154	5,4%	10.778	3,8%	11.520	3,7%

Chi phí	Năm 2006		Năm 2007		9 tháng đầu năm 2008	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Chi phí hoạt động tài chính	2.921	1,3%	4.172	1,5%	5.719	1,9%
Tổng cộng	218.175	96,9%	273.987	97,1%	299.058	97,1%

Nguồn: Sovi

Nhìn chung, công ty kiểm soát tốt chi phí và với chất lượng sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, sản phẩm của Công ty có khả năng cạnh tranh cao và góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đối với tỷ trọng giá vốn trên doanh thu của năm 2007 tăng so với năm 2006 và quý III năm 2008 tăng lên so với năm 2007 là do tình hình kinh tế Việt Nam cũng như thế giới đang gặp khó khăn, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao nên đã ảnh hưởng rất nhiều.

Trong khi đó, chi phí chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2007 đã giảm so với năm 2006. Như vậy, Công ty cũng đã nâng cao vai trò quản lý, giảm thiểu chi phí để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

6.5. Trình độ công nghệ

Ngay những ngày đầu thành lập, Công ty luôn ý thức được rằng, chất lượng sản phẩm luôn đi kèm với công nghệ và là sự sống còn trong sự tồn tại và phát triển của Công ty. Do đó, trong mỗi giai đoạn, Công ty đã đầu tư cho mình một công nghệ thích hợp để nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Là một sản phẩm phải đảm bảo việc bảo quản tốt nhất cho hàng hóa chứa đựng bên trong, Công ty đã đầu tư cho mình một hệ thống máy móc hiện đại được nhập từ những nước có nền công nghiệp tiên tiến như: Pháp, Đức, Thụy Sĩ... Chính điều này mà sản phẩm của Công ty luôn được sự đón nhận cao từ khách hàng và thị phần tiêu thụ luôn chiếm tỷ trọng cao.

MỘT SỐ DÂY CHUYỀN MÁY MÓC HIỆN ĐẠI CỦA CÔNG TY



Dây chuyền máy giấy gọn sóng Máy in Offset (Heidelberg-CHLB Đức)



Máy in Flexo (Martin-CH Pháp)



Máy bế định hình (Bobst- Switzerland)

Một số đặc điểm, tính năng của các thiết bị trong dây chuyền công nghệ:

Dây chuyền tạo sóng carton:

Giấy cuộn lớp sóng được đưa vào các cụm tạo sóng gia nhiệt và hình thành biên độ sóng, sau đó được cung cấp hồ dán trên các đỉnh sóng và được ghép với giấy cuộn lớp láng để hình thành tấm carton 2 lớp, 3 lớp, 5 lớp...tùy theo yêu cầu khách hàng. Tiếp đó được nhấn lằn, xẻ biên và cắt thành tấm carton theo các kích thước đã định.

Các thiết bị chính của máy tạo sóng:

Càng nâng giấy:

- Kẹp chặt, nâng hạ, điều chỉnh qua lại, lên xuống và canh thẳng hàng giữa các cuộn giấy Al và As.
- Điều chỉnh lực căng (lực thẳng) của các cuộn giấy bằng khí nén cho phù hợp trong quá trình sản xuất nhằm ổn định biên dạng sóng.

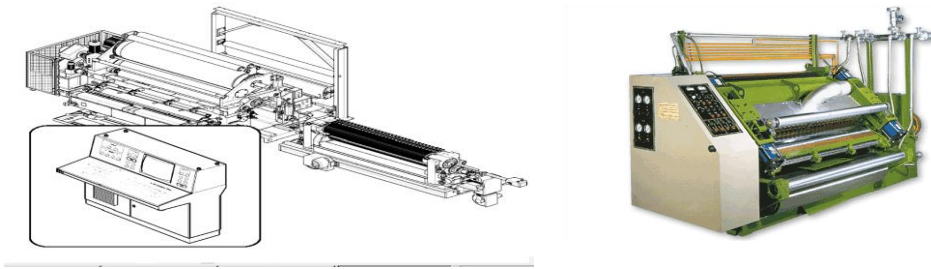


Lô sấy sơ bộ:

Dùng để sấy các bề mặt giấy cuộn trước khi vào máy tạo sóng nhằm: Cân bằng độ ẩm giữa các lớp giấy sóng và giấy láng; tăng cường độ thấm hồ cũng như thời gian kết dính khi qua bộ phận bôi hồ.

Cụm tạo sóng:

- Tạo dạng sóng 2 lớp tất cả các loại giấy cuộn có định lượng từ 115 g/m².



Dàn tải giấy 2 lớp:

Truyền tải giấy 2 lớp và chuẩn bị ghép lớp với giấy mặt C để tạo thành tấm Carton. Ngoài ra còn có tác dụng để cụm máy C điều chỉnh tốc độ phù hợp với cụm tạo sóng đặc biệt khi thay đổi đơn hàng.

Cụm bôi hồ:

Bôi hồ lên các lớp giấy 2 lớp A, 2 lớp B và lớp giấy mặt C để tạo thành tấm carton theo yêu cầu.

Dàn sấy giấy:

- Để ghép các lớp lại sau khi qua cụm bôi hồ để hình thành tấm carton. Làm cho tờ carton phẳng và láng.
- Về cơ bản dàn sấy gồm khu vực gia nhiệt và khu vực thoát nhiệt tự nhiên cho tấm carton. Khu vực gia nhiệt cung cấp đủ nhiệt lượng cần thiết đảm bảo độ kết dính chắc chắn cho các lớp giấy của tấm carton. Khu vực gia nhiệt có 4 vùng để cung cấp nhiệt bằng tấm gia nhiệt. Tấm carton khi đi qua sẽ được ép chặt giữa bố tải carton do các con lăn đối trọng và tấm gia nhiệt làm cho tấm carton được phẳng và láng. Sau đó tấm carton di chuyển đến khu vực làm nguội bằng bố tải bằng cotton. Trong quá trình vận



- chuyển các bố tải này đóng vai trò thúc đẩy quá trình bốc hơi độ ẩm của tấm carton, làm cho tấm carton khô và cứng hơn.

Nhấn lằn xén biên:

Dùng để xén biên và nhấn lằn theo các kích thước yêu cầu.

Cụm dao chặt giấy:

- Chặt tờ carton theo các chiều dài định sẵn.

Dàn bắt giấy:

- Dùng để xếp các tấm carton theo từng chồng.

Dây chuyền in ấn, gấp dán, cột bó:

Đây là 1 dây chuyền hoàn chỉnh tự động hóa hoàn toàn và bán tự động bao gồm các công đoạn: In ấn, cắt ngang, nhấn lằn, xẻ rãnh, bế tròn, gấp dán, đếm chồng chất và cột bó. Tạo ra sản phẩm có chất lượng cao với nhiều kích thước được cài đặt và lưu trữ trong bộ nhớ của hệ thống điều khiển bằng vi tính của máy theo các yêu cầu của khách hàng.

Một số cụm máy chính trong dây chuyền:

- Cụm cấp giấy.
- Cụm in ấn.
- Cụm xẻ rãnh, nhấn lằn và bế tròn.
- Cụm gấp dán, chồng chất và cột bó.



Tính năng chính của dây chuyền:

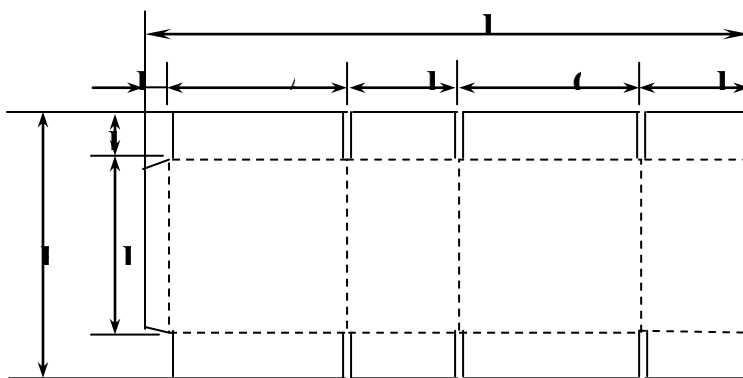
Tính năng chính của thiết bị in ấn: Sản xuất ra các sản phẩm có chỉ tiêu như sau:

- Độ cong tấm carton có thể in được đạt sai số trên $\leq 3\%$
- Dung sai kích thước thùng carton sau khi cắt: $\pm 3\text{ mm}$
- Kích thước chữ nhỏ nhất in được: nét 0,3 x cao 1 mm
- Khả năng in 2 lần được 6 màu
- Độ chồng màu: $\pm 1, 2\text{ mm}$ (đối với màu lần 1 và 2)
- Sai số giữa màu in và cạnh ngang tấm carton (sai số vở ke): $\pm 1\text{ mm}$
- Trên máy có lắp chổi quét nên có khả năng xử lý bụi rác bám trên bề mặt tấm carton.

- Hình in trên vị trí cạnh nắp thùng không bị mất mực nhưng phải là vết dao đĩa và in ở cạnh dọc phía sau chiều chạy máy.
- Đối với những sản phẩm có giấy mặt trong định lượng $<125\text{g/m}^2$ thì có khả năng nứt lằn cao.
- Có khả năng in 2 chiều song song và vuông góc với sóng.

Tính năng của thiết bị gấp dán:

Gấp dán các sản phẩm có các tiêu chuẩn như sau:



	A = C	B = D	B + C	H	L	P
Min	215	100	390	280	780	25
Max	940	900	1840	12	2700	40

Tính năng chính của các thiết bị đóng và cột bó:

- Kích thước tấm carton: + Max: 1250 x 4400 mm
+ Min: 150 x 400 mm
- Kích thước thùng carton có thể đóng được:
 - o Min: 100 x 50 – 50 mm
 - o Max: 1100 x 750 – 1600 mm
- Khoảng cách các đỉnh điều chỉnh từ: 10 ÷ 70 mm
- Sai số khoảng cách đỉnh: ± 3 mm
- Sai số giữa đỉnh đầu tiên và cạnh tấm carton: ± 3 mm
- Bề dày tấm carton đóng được: 1,2 ÷ 10 mm

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Là một sản phẩm mang tính đặt thù, bao bì Carton và các sản phẩm in offset là những sản phẩm thường sản xuất theo yêu cầu của khách hàng. Vì vậy, để nắm bắt nhu cầu thị trường và định hướng sản phẩm, Sovi đã tích cực đa dạng hóa sản phẩm trên cơ sở thực

hiện đúng các quy trình về khảo sát thị trường, xây dựng các tiêu chí lựa chọn khách hàng mục tiêu, dự kiến chương trình quản trị thương hiệu, từ đó định hướng chiến lược sản phẩm, kiểm soát các hoạt động thiết kế bao bì sản phẩm, đảm bảo mục tiêu phù hợp với nhu cầu của khách hàng đồng thời mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Hiện tại, công việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới do bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm thực hiện. Đây là bộ phận có nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển lâu dài và định hướng cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Sản phẩm của Công ty là một sản phẩm đặc biệt, dùng để bảo quản cho chất lượng sản phẩm bên trong. Vì vậy, chất lượng sản phẩm phải đặc lên hàng đầu nhằm mục đích nâng cao uy tín thương hiệu của mình cũng như bảo vệ cho chính khách hàng.

Nhận thức được trách nhiệm cũng như để tạo được uy tín cho thương hiệu của mình, trong nhiều năm qua, Công ty luôn đổi mới công nghệ, cải tiến chất lượng sản phẩm và đặc biệt, Công ty đang sử dụng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000.

Hiện tại, Phòng quản lý chất lượng đảm trách công việc kiểm tra và giám sát chất lượng sản phẩm từ khâu nhận nguyên vật liệu cho đến khi sản phẩm được sản xuất ra và chuyển giao cho khách hàng.

Với hệ thống công nghệ hiện đại cộng với đội ngũ nhân viên có tay nghề cao, ứng dụng thành thạo các công nghệ mà Công ty đang sử dụng, điều này góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và thương hiệu của Công ty.

6.8. Hoạt động Marketing

Sau hơn 30 năm hình thành và phát triển, đến nay, Sovi đã là một trong những thương hiệu có tiếng trên thị trường, với thị phần tiêu thụ chiếm tỷ trọng cao, song Công ty vẫn không ngừng đầu tư cho việc phát triển thương hiệu của mình. Hiện tại, hoạt động marketing do phòng kinh doanh trực tiếp đảm trách và có nhiệm vụ nâng cao chiến lược quảng bá các sản phẩm cũng như thương hiệu của mình để giữa Công ty và khách hàng luôn có một cầu nối nhất định.

Với chính sách "***Thỏa mãn khách hàng***" và xem chất lượng sản phẩm là hình thức quảng bá thương hiệu hiệu quả nhất, do đó, Công ty không ngừng cải tiến chất lượng, mẫu mã để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh

tranh trong tiến trình hội nhập. Bằng chứng cho vấn đề này, đó là trong năm 2006, Công ty đã đoạt giải thưởng cao quý "Sao vàng đất Việt".

Ngoài ra, Công ty còn tham gia hội chợ triển lãm, quảng bá và giới thiệu các sản phẩm thông qua trang vàng, danh bạ Doanh nghiệp Việt Nam, website của Công ty (www.sovi.vn) và tất cả các hoạt động trên của Công ty đều thông qua một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp nhằm đưa sản phẩm của Sovi tiếp cận tới nhiều đối tượng khách hàng hơn.

6.9. Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ



- **Logo:**
- Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 66095 do Cục sở hữu trí tuệ chứng nhận theo quyết định số A9264/QĐ – ĐK ngày 23/08/2005, ngày nộp đơn 28/04/2004. Chứng nhận này có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn (có thể gia hạn).

6.10. Một số đồng lớn đã, đang được thực hiện

STT	Số hợp đồng	Thời gian	Tên đối tác	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
1	96/HĐKT	04/2006	Cty Bat Vinataba	Bán thùng carton	6.723
2	02/21/12/06/HĐKT	12/2006	Cty CP Kinh Đô	Sản phẩm Carton	5.500
3	02/HĐKT	12/2006	Cty Mekelong VN	Sản phẩm Carton	4.300
4	83/HĐKT	12/2006	Cty TNHH CNTP Liwayway VN	Sản phẩm Carton	13.000
5	01/HĐKT	01/2007	Cty TNHH Giấy Đông Nam	Cung cấp nguyên liệu giấy	10.000
6	01/HĐKT	01/2007	Cty CP Giấy An Bình	Cung cấp nguyên liệu giấy	15.000
7	01/HĐKT	01/2007	Cty TNHH Giấy Hòa Nam	Cung cấp nguyên liệu giấy	20.000
8	98/HĐKT	01/2007	Cty LD gạch men Mỹ Đức	Sản phẩm Carton	3.000
9	25/HĐKT	01/2007	Công ty gạch men Ý Mỹ	Sản phẩm Carton	6.000

10	HDNT-001/2007/UBF-SOVI	01/2007	Cty LD Unilever Vietnam	Sản phẩm Carton, Offset	72.000
11	86/HĐKT	01/2007	TCY CN Thực phẩm Đồng Nai	Sản phẩm Carton	5.800
12	89/HĐKT	01/2007	Cty CP SX-TM tân Việt Xuân	Sản phẩm Carton	3.800
13	001/2007	01/2007	Cty LD Unilever Việt Nam	Bán thùng carton	110.900
14	35/HĐKT	01/2007	Cty TNHH Syngenta VN	Sản phẩm Carton	4.500
15	07-009B	02/2007	Cty TNHH Bluescope Building Vietnam	Khung kèo nhà xưởng	6.250
16	01/HĐ-XD	03/2007	Cty TNHH Xây dựng 30-4	Xây dựng nhà xưởng	8.836
17	24/BBC-SOVI/07	03/2007	Cty CP Bibica	Sản phẩm Offset	1.450
18	01/19/03/07/HĐKT	03/2007	Cty CP Kinh Đô	Sản phẩm Offset	1.530
19	105/HĐKT	05/2007	Cty TNHH gạch men Hoàng Gia	Sản phẩm Carton	8.000
20	01/HDMB/2008/SOVI-ANBINH	01/2008	Công ty Cổ phần giấy An Bình	Cung cấp nguyên liệu giấy	30.925
21	01/08/HĐKT	01/2008	Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	Cung cấp nguyên liệu giấy	20.609
22	001/2008-VC	01/2008	Công ty Xăng Dầu Khu Vực II	Cung cấp nguyên liệu Dầu FO	19.401
23	01/HĐVCHH	01/2008	Công ty TNHH Vận tải Tiên Trinh	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	5.866
24	104/2008	01/2008	Cty CP Kinh Do	Bán thùng carton	19.388
25	08PA\KC-SOVI\08	01/2008	CTY Kimberly Clack	Bán thùng carton	7.862
26	32/GVT-BBBH	01/2008	Công ty Giấy Việt Trì	Cung cấp nguyên liệu giấy	6.685
27	86/2008	01/2008	Cty Bột Giặt Net	Bán thùng carton	15.093
28	01-Aug	01/2008	Cty Mekelong	Bán thùng carton	5.854
29	VY-SV/08/ DMB	01/2008	Công ty TNHH TM DV Việt Ý	Cung cấp nguyên liệu Bảng in	1.735
30	70/2008	02/2008	Cty Gạch Men Ý Mỹ	Bán thùng carton	11.971

31	01/HDMH/2008/SO VI-HN	03/2008	Công ty TNHH SX TM Hòa Nam	Cung cấp nguyên liệu giấy	13.20 7
32	01/HDMH/2008/SO VI-BM	03/2008	Công ty TNHH Giấy Bao Bì Bình Minh	Cung cấp nguyên liệu giấy	8.633
33	01/HDMH/2008/SO VI-TN	03/2008	DNTN Tiến Nam	Cung cấp nguyên liệu giấy	7.748
34	01/SV/HD/ HĐKT	03/2008	Công ty TNHH XNK TM Vận tải Hùng Duy	Cung cấp Bột mì	2.973
35	03/2008/ SAKATA- SOVI	03/2008	Công ty Mực In Sakata	Cung cấp nguyên liệu Mực in	2.709
36	10/HĐ-2008	04/2008	Công ty TNHH xử lý chất thải CN & tư vấn môi trường Văn Lang	Xây dựng hệ thống nước thải	1.780
37	043/2008	05/2008	Cty Nước Giải Khát Chương Dương		8.600
38	52/2008	06/2008	Cty Gạch Men Hoàng Gia	Bán thùng carton	7.440
39	1108HĐKT/HH- SOVI	10/2008	Công Ty TNHH Cơ Khí Hoàng Hà	Cung cấp máy in Offset 06màu	6.250

Nguồn: Sovi

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG 02 NĂM GẦN NHẤT

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006 và 2007

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	% +/- năm 2006/2007	9 tháng năm 2008
Tổng tài sản	135.883	152.694	12%	150.815
Doanh thu thuần	225.059	282.109	25%	308.136
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	7.255	8.629	19%	9.551
Lợi nhuận khác	748	467	-38%	260
Lợi nhuận trước thuế	8.003	9.096	14%	9.811
Lợi nhuận sau thuế	8.003	8.414	5%	9.075
Tỷ lệ chi trả cổ tức	11%	12%	9%	-

Nguồn: Sovi

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007

Chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 09/2003 và ổn định vào năm 2004, quy mô tài sản và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã cải thiện đáng kể. Tổng tài sản năm 2007 tăng 12% so với năm 2006, trong khi đó, doanh thu tăng 25% và lợi nhuận trước thuế tăng 14%. Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2007:

Thuận lợi:

Cùng với tốc độ phát triển chung của nền kinh tế, thể hiện qua tốc độ tăng trưởng của GDP trong năm 2007 là 8,2%, đã làm cho các ngành công nghiệp sản xuất phát triển mạnh từ 15 -20%. Vì vậy, ngành sản xuất bao bì, đặc biệt là ngành sản xuất bao bì carton đã phát triển theo.

Ngoài ra, Công ty đã thay đổi cách quản lý, nâng cao trách nhiệm mỗi một nhân viên trong Công ty, do đó, nâng cao được năng suất lao động, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Thương hiệu bao bì carton Sovi đã có vị trí tương đối trên thị trường và ngày càng được nhiều khách hàng tín nhiệm.

Khó khăn

Cùng với chính sách mở cửa hội nhập của Đất nước, nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng như các nhà đầu tư trong nước đã đầu tư sản xuất bao bì giấy vào vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, cụ thể là Công ty Siam Kraft, công ty Vĩnh Phong Du đầu tư sản xuất bao bì có công suất lớn...làm cho thị trường bao bì đã cạnh tranh nay càng cạnh tranh gay gắt hơn.

Sự biến động về giá nguyên vật liệu là một trong những khó khăn lớn nhất của Công ty. Trong thời gian qua, giá dầu thô liên tục tăng, kéo theo một số nguyên vật liệu, điện, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất liên tục tăng, ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả sản xuất của Công ty.

Do áp lực cạnh tranh, để giữ vững khách hàng nên Công ty phải kéo dài tuổi nợ dẫn đến vốn lưu động bị khách hàng chiếm dụng khá cao.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG NGÀNH

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng đánh giá cao, các khách hàng của Công ty là những công ty sản xuất lớn trong nước và có thương hiệu nổi tiếng như: Công ty liên doanh

Lever Việt Nam, Công ty cổ phần Kinh Đô, Công ty TNHH nước giải khát Coca – cola Việt Nam, Công ty cổ phần bánh kẹo Biên Hòa... Chính điều này đã làm cho thị phần của Công ty luôn ổn định và chiếm tỷ trọng cao trong toàn thị trường tiêu thụ.

Danh sách Một số công ty có thị phần tiêu thụ cao:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Công suất		Thị phần
			Thiết kế tấn/tháng	Khai thác tấn/tháng	
1	Cty Công nghiệp Tân Á	KCN Bình Chiểu, Tp.HCM	5.000	3.500	10,00%
2	Cty Bao bì Vinh Phong Du	KCN Đức Hoà, Long An	4.000	2.000	5,71 %
3	Cty Sản xuất Bao bì ALCAMAX	KCN VN-SGP, Bình Dương	3.500	2.000	5,71 %
4	Cty TNHH Box-Pak Việt Nam	KCN VN-SGP, Bình Dương	4.000	1.800	5,14 %
5	Cty Ojitek Việt Nam	KCN Biên Hoà 2, Đồng Nai	3.500	1.800	5,14 %
6	Cty CP Bao bì Biên Hoà	KCN Biên Hoà 1, Đồng Nai	3.500	1.700	4,86 %
7	Cty TNHH CHENGNENG	KCN Đồng An, Bình Dương	2.000	1.600	4,57 %
8	Cty TNHH Orna Paper	Huyện Long Thành, Đồng Nai	5.000	1.400	4,00 %
9	Cty TNHH Bao Bì Gia Phú	KCX Tân Thuận, Tp. HCM	2.000	1.200	3,43 %
10	Cty TNHH Minh Phú	KCN Sóng thần 1, Bình Dương	1.800	1.200	3,43 %
	Tổng cộng		34.300	18.200	51,99 %

Nguồn: Sovi

Ngoài ra, với lợi thế là một Công ty được hình thành lâu năm, đội ngũ nhân viên có trình độ cao, thời gian thực hiện các đơn hàng nhanh chóng, uy tín trong chất lượng và khách hàng truyền thống đã đặt niềm tin vào Công ty thì đây có thể được xem là một trong những cơ sở để đánh giá được năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời điểm hiện tại cũng như trong tương lai.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Sản phẩm bao bì carton là sản phẩm được dùng trong hầu hết các ngành công nghiệp. Vì vậy, sự phát triển kinh tế luôn kéo theo sự phát triển của ngành bao bì carton. Kinh tế Việt

Nam đang trong giai đoạn phát triển, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành công nghiệp đạt bình quân từ 15,2%-15,5% và dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định trong thời gian tới. Như vậy, cùng với sự phát triển ngành công nghiệp, ngành bao bì carton sẽ có khả năng phát triển với tốc độ tương ứng.

Đến thời điểm hiện nay, thị trường bao bì carton trong nước vẫn còn rất nhiều tiềm năng. Ở hầu hết các nước, ngành bao bì carton là ngành có tốc độ tăng trưởng ổn định và mang lại lợi nhuận cao cho các nhà sản xuất.

Hiện nay, ở Việt Nam có 30 cơ sở sản xuất và gia công bán thành phẩm bao bì giấy với khoảng 6000 lao động. Năng lực sản xuất bao bì giấy khoảng trên 1 tỷ m²/năm, đáp ứng được phần lớn nhu cầu tiêu dùng trong nước và tham gia xuất khẩu. Thị trường bao bì giấy đang là một thị trường đầy hứa hẹn và tiềm năng của Việt Nam. Mức tăng trưởng trong những năm qua từ 25-30%/năm và dự kiến mức tăng trưởng của ngành bao bì giấy cho những năm tới từ 30-35%. Trong vòng 5 năm qua, ước tính giá trị đầu tư của ngành khoảng trên 40 triệu USD. Nhiều đơn vị đầu tư ngay thiết bị và công nghệ cao hoàn chỉnh từ các nước G7. Nhờ đó, ngành bao bì giấy đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của thị trường trong nước, đẩy lùi hàng ngoại, góp phần tiết kiệm hàng trăm triệu USD cho quốc gia. Ngoài ra, khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam là khu vực có tốc độ phát triển hầu hết các ngành ở mức trên 20%/năm và hiện có rất nhiều công ty lớn đóng trên khu vực này nên có thể nhận định rằng, sản phẩm bao bì carton và in offset của Công ty sẽ còn phát triển mạnh hơn nữa.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm ngày 30/09/2008, tổng số lao động của Công ty là 576 người.

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

TIÊU CHÍ	30/09/2008
A. Phân theo trình độ lao động:	576
- Trên Đại học, Đại học	55
- Cao đẳng	07
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật	326
- Phổ thông trung học	188
B. Phân theo hợp đồng lao động	576
- Hợp đồng không xác định thời hạn	307
- Hợp đồng từ 1 – 3 năm	114
- Hợp đồng dưới 1 năm	122

- Học việc, thử việc	33
----------------------	----

Nguồn: Sovi

9.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h, thời gian làm việc của các xưởng trực tiếp sản xuất được chia thành 3 ca. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết: Nhân viên được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Bộ Luật Lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên lại được cộng thêm 01 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên Công ty được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 - 05 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định do Bảo hiểm xã hội chi trả, còn được hưởng thêm 50% lương theo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b) Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Tp.HCM. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ISO 9001:2000. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,...

c) Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên: Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được

nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

Chính sách ưu đãi cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên: Nhằm tạo sự gắn bó lâu dài của cán bộ công nhân viên với Công ty và tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc, Công ty đã thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ công nhân viên của Công ty mua cổ phần với giá ưu đãi khi Công ty chuyển sang Công ty cổ phần.

10. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

11. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Trích khấu hao tài sản cố định:

1. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
2. Thời gian khấu hao áp dụng cho các loại tài sản tại Công ty như sau:
 - a. Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 25 năm
 - b. Máy móc, thiết bị : 05 năm
 - c. Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn : 06 năm
 - d. Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý : 03 năm

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các Báo cáo kiểm toán năm 2006 - 2007, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ, không có các khoản nợ quá hạn.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế theo quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng; phúc lợi.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để:

- + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CHI TIẾT SỐ DƯ CÁC QUỸ NĂM 2006,2007, QUÝ III/2008

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007	30/09/2008
Quỹ đầu tư phát triển	2.495	3.950	3.950
Quỹ dự phòng tài chính	1.078	1.465	1.465
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.981	1.956	855
Tổng cộng	5.554	7.371	6.270

Nguồn: Sovi

Tổng dư nợ vay ngân hàng

Hiện tại để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho quá trình sản xuất và kinh doanh, Công ty hiện đang sử dụng một số khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng và một số tổ chức khác, cụ thể:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2007	30/09/2008
I	Vay ngắn hạn	20.964	22.039
1	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	16.290	5.227
2	Ngân hàng HSBC	4.674	16.812
II	Vay dài hạn	25.004	35.844
1	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai	12.574	14.526
2	Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	12.430	13.318
3	Vay dài hạn Tổng công ty CNTP Đồng Nai	-	8.000
	Tổng cộng	45.968	57.883

Nguồn: Sovi

Trong đó:

Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng nai: lãi suất vay 9,6%/năm; thời gian trả nợ trong vòng 6 năm; nợ gốc trả hàng quý, lãi vay trả hàng tháng.

Ngân hàng Ngoại thương Đồng nai: lãi suất vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD tại thời điểm xác định lãi suất cộng biên độ 1,8%/năm; thời gian trả nợ trong vòng 8 năm; nợ gốc trả hàng quý, lãi vay trả hàng tháng.

Ngân hàng HSBC: lãi suất điều chỉnh theo từng thời kỳ.

Tình hình công nợ hiện nay:

+ Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006		31/12/2007		30/09/2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	55.291	-	55.215	-	72.374	-
Trả trước cho người bán	927	-	8.975	-	2.183	-
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.019)	-	(437)	-	(437)	-

Chỉ tiêu	31/12/2006		31/12/2007		30/09/2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	55.199	-	63.753	-	74.120	-

Nguồn: Sovi

+ Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006		31/12/2007		30/09/2008	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
I. Nợ ngắn hạn	67.194	-	80.780	-	60.523	-
Vay và nợ ngắn hạn	34.170	-	40.715	-	22.039	-
Phải trả cho người bán	21.063	-	28.508	-	27.644	-
Người mua trả tiền trước	-	-	938	-	5	-
Các khoản thuế phải nộp	288	-	506	-	1.561	-
Phải trả CB CNV	8.619	-	4.615	-	3.919	-
Chi phí phải trả	633	-	896	-	5.243	-
Phải trả nội bộ	-	-	-	-	-	-
Phải trả phải nộp khác	2.421	-	4.603	-	119	-
II. Nợ dài hạn	24.002	-	25.204	-	35.947	-
Vay và nợ dài hạn	23.901	-	25.004	-	35.844	-
Nợ dài hạn khác	-	-	-	-	103	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	102	-	200	-	-	-
Tổng cộng	91.197	-	105.985	-	96.470	-

Nguồn: Sovi

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,75	1,13	1,9
	- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,86	1,35	1,3

STT	Chỉ tiêu	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,63	0,67	0,69
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,78	2,14	2,23
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay tổng tài sản (DT thuần/Tổng tài sản) (lần)	1,72	1,66	1,84
	- Vòng quay TSCĐ (DT thuần/Tài sản dài hạn) (lần)	4,14	4,97	8,06
	- Vòng quay vốn lưu động (DT thuần/Tài sản ngắn hạn) (lần)	2,96	2,48	2,39
	- Vòng quay các khoản phải thu (DT thuần/ Phải thu bình quân) (lần)	4,70	4,08	4,4
	- Vòng quay các khoản phải trả (DT thuần/ Phải trả bình quân) (lần)	2,74	2,47	8,2
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
	- Hệ số LN sau thuế/DT thuần (%)	3,75% (*)	3,56% (*)	2,98% (**)
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	22,55% (*)	20,51% (*)	21,57% (**)
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản (%)	6,46% (*)	5,89% (*)	5,49% (**)
	- Hệ số LN từ hoạt động SXKD/DT thuần (%)	3,73%	3,22%	3,06% (**)

Nguồn: Sovi

(*): Năm 2005 và năm 2006 Công ty được miễn nộp thuế TNDN.

(**) Năm 2007 Công ty được giảm 50% thuế TNDN

12. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch HĐQT - Ông Lê Quốc Tuyên

- Họ và tên: Lê Quốc Tuyên
- Giới tính: nam
- Số CMND: 020182366 Ngày cấp: 20/02/2003 Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
- Ngày tháng năm sinh: 10/12/1955

5. Nơi sinh: Quảng Nam
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Quảng Nam
9. Địa chỉ thường trú: 453/52 Lê Văn Sỹ, P12, Quận 3, TP.HCM
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121 – 3 836 122
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:

Từ 1979 – 1989 : Nhân viên, Phó phòng, quyền Trưởng phòng kỹ thuật Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 1989 – 08/2003 : Trợ lý giám đốc, Phó giám đốc, Giám đốc Nhà máy bao bì Biên Hòa .

Từ 09/2003 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Ủy viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

16. Số cổ phần nắm giữ: 703.030 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 25.090 cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 677.940 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Thị Ngọc Hoa	Vợ	36.000 cổ phần

18. Các khoản nợ đối với công ty: không có

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

b. Thành viên HĐQT – Ông Phạm Văn Điều

1. Họ và tên: Phạm Văn Điều

2. Giới tính: nam
3. Số CMND: 270142795 Ngày cấp: 30/09/2003 Nơi cấp: Đồng Nai
4. Ngày tháng năm sinh: 05/03/1961
5. Nơi sinh: Bình Dương
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Bình Dương
9. Địa chỉ thường trú: 22A Ấp 1, xã Tân Hạnh, Biên Hòa, Đồng Nai.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:

Từ 1/1991 – 6/1996	: Quảng đốc phân xưởng và trợ lý giám đốc Công ty Gốm Đồng Nai.
Từ 07/1996 – 12/1996	: Phó phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.
Từ 01/1997 – 06/1997	: Phó giám đốc nhà máy điện cơ Đồng Nai.
Từ 07/1997 – 03/2001	: Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh cao su Kenda Việt Nam.
Từ 04/2001 – 05/2002	: Trưởng phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.
Từ 06/2002 – 08/2003	: Phó Giám đốc Nhà máy bao bì Biên Hòa.
Từ 09/2003 – nay	: Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa
14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
16. Số cổ phần nắm giữ: 505.310 cổ phần
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 37.310 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 468.000 cổ phần
17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có
18. Các khoản nợ đối với công ty: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

c. Thành viên HĐQT – Ông Trần Trang Bình

1. Họ và tên: Trần Trang Bình
2. Giới tính: nam
3. Số CMND: 271339538 Ngày cấp: 07/12/1994 Nơi cấp: Đồng Nai
4. Ngày tháng năm sinh: 10/04/1973
5. Nơi sinh: Hà Nội
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Bà Rịa Vũng Tàu
9. Địa chỉ thường trú: 9/8^E KP1, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
13. Quá trình công tác:

Từ 06/1995 – 09/1996	: Nhân viên kỹ thuật Công ty cổ phần gỗ Tân Mai.
Từ 09/1996 – 05/2002	: Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy bao bì Biên Hòa.
Từ 06/2002 – 08/2003	: Phó giám đốc Nhà máy bao bì Biên Hòa.
Từ 09/2003 – nay	: Phó giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
16. Số cổ phần nắm giữ: 507.290 cổ phần
Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân:	39.290 cổ phần
+ Đại diện sở hữu vốn Nhà nước:	468.000 cổ phần
17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Phạm Thị Trang	Mẹ	41.740 cổ phần

18. Các khoản nợ đối với công ty: không có

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

d. Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thanh Ngân

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh Ngân

2. Giới tính: nữ

3. Số CMND: 021367270 Ngày cấp: 09/07/2004 Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh

4. Ngày tháng năm sinh: 17/03/1955

5. Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: TP.Hồ Chí Minh

9. Địa chỉ thường trú: 338/38 An Dương Vương, P4, quận 5, Tp.HCM.

10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư điện tử

13. Quá trình công tác:

Từ 1979 – 1985 : Cán bộ kỹ thuật Sở công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Từ 1985 – 08/2003 : Phó phòng kế hoạch vật tư Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2004 : Thành viên HĐQT kiêm phó phòng kế hoạch vật tư Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

Từ 2004 – nay : Thành viên HĐQT kiêm phó giám đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

16. Số cổ phần nắm giữ: 33.020 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 33.020 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ với người khai	Số cổ phần nắm giữ
1	Lê Đại Thắng	Chồng	33.550 cổ phần

18. Các khoản nợ đối với công ty: không có

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

e. Thành viên HĐQT – Ông Hoàng Ngọc Lưu

1. Họ và tên: Hoàng Ngọc Lưu

2. Giới tính: nam

3. Số CMND: 271476916 Ngày cấp: 11/03/2003 Nơi cấp: Tỉnh Đồng Nai

4. Ngày tháng năm sinh: 25/01/1970

5. Nơi sinh: Tỉnh Thái Bình

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Tỉnh Thái Bình

9. Địa chỉ thường trú: Ấp 5, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cơ khí

13. Quá trình công tác:

- Từ 1992 – 1995 : Cán bộ kỹ thuật Nhà máy Vitaga
- Từ 1995 – 2000 : Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa.
- Từ 2000 – 2004 : Phó quản đốc ; Quản đốc Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
- Từ 2004 – 2006 : Trưởng bộ phận Quản trị chất lượng Công ty CP bao bì Biên Hòa
- Từ 2006 – 4/2008 : CV kiểm soát nội bộ kiêm Phó bộ phận tổ chức nhân sự Cty CP bao bì Biên Hòa
- Từ 4/2008 – nay : Thành viên HĐQT ; Phó bộ phận TCNS Công ty CP bao bì Biên Hòa.

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT ; Phó bộ phận Tổ chức nhân sự Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

16. Số cổ phần nắm giữ: 24.500 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 24.500 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có

18. Các khoản nợ đối với công ty: không có

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

f. Thành viên HĐQT – Ông Đặng Ngọc Diệp

1. Họ và tên: Đặng Ngọc Diệp

2. Giới tính: nam

3. Số CMND: 271474466 Ngày cấp: 21/08/1997 Nơi cấp: Tỉnh Đồng Nai

4. Ngày tháng năm sinh: 24/11/1966

5. Nơi sinh: Tỉnh Khánh Hòa

6. Quốc tịch: Việt Nam

7. Dân tộc: Kinh

8. Quê quán: Tỉnh Khánh Hòa

9. Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu phố 2, phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa , Tỉnh Đồng Nai.

10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121

11. Trình độ văn hoá: 12/12

12. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

13. Quá trình công tác:

Từ 1992 – 1996 : Nhân viên phòng cơ điện Công ty may công nghiệp Đồng Nai.

Từ 1996 – 2002 : Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa.

Từ 2002 – 2005 : Trưởng bộ phận quản trị chất lượng Công ty CP bao bì Biên Hòa.

Từ 2005 – 2006 : Quản đốc xưởng in Offset Công ty CP bao bì Biên Hòa.

Từ 2006 – 4/2008 : Trưởng bộ phận kế hoạch sản xuất Công ty CP bao bì Biên Hòa.

Từ 4/2008 – nay : Thành viên HĐQT ; Trưởng bộ phận kế hoạch sản xuất Công ty CP bao bì Biên Hòa.

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT ; Trưởng bộ phận kế hoạch sản xuất Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có

16. Số cổ phần nắm giữ: 920 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 920 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có

18. Các khoản nợ đối với công ty: không có

19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

g.Thành viên HĐQT – Ông Hàng Xuân

1. Họ và tên: Hàng Xuân

2. Giới tính: nam

3. Số CMND: 020615959 Ngày cấp: 21/08/2001 Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh

4. Ngày tháng năm sinh: 19/02/1956

5. Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Trung Quốc.
9. Địa chỉ thường trú: 300 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P25, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
10. Số điện thoại liên lạc : 0903724682
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:

Từ 1978 – 1990	: Giáo viên
Từ 1990 – 4/2008	: Thành viên HĐQT Công ty CP Ong mật Tp.HCM ; Công ty Dược CoFarco ; Công ty Cp Giấy tập lệ Hoa.
Từ 4/2008 – nay	: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Ong mật Tp.HCM; Thành viên HĐQT Công ty dược ChoFarco; Thành viên HĐQT Công ty CP Giấy tập Lệ Hoa.
16. Số cổ phần nắm giữ: 84.000 cổ phần
Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 84.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có
18. Các khoản nợ đối với công ty: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

a. Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Trần Hữu Đức

1. Họ và tên: Trần Hữu Đức

2. Giới tính: nam
3. Số CMND: 270642340 Ngày cấp: 09/09/1981 Nơi cấp: Đồng Nai
4. Ngày tháng năm sinh: 26/01/1965
5. Nơi sinh: Đồng Nai
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Bình Dương
9. Địa chỉ thường trú: 55B Khu tái định cư phường Bửu Long.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 994682
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác:
 - Từ 1988 – 2004 : Nhân viên kế toán – Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.
 - Từ 2005-2006 : Phó phòng kế toán – Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.
 - Từ 2006 – nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.
16. Số cổ phần nắm giữ: 468.000 cổ phần
 - Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0. cổ phần
 - + Đại diện sở hữu vốn Nhà nước: 468.000 cổ phần
17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có
18. Các khoản nợ đối với công ty: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có

20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

b. Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Nguyễn Đức Thịnh

1. Họ và tên: Nguyễn Đức Thịnh
 2. Giới tính: nam
 3. Số CMND: 270705492 Ngày cấp: 21/12/2005 Nơi cấp: Đồng Nai
 4. Ngày tháng năm sinh: 05/01/1942
 5. Nơi sinh: Bắc Giang
 6. Quốc tịch: Việt Nam
 7. Dân tộc: Kinh
 8. Quê quán: Bắc Giang
 9. Địa chỉ thường trú: 47/331C1 Quang Trung, P12, Gó Vấp, TP.HCM.
 10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0918222266
 11. Trình độ văn hoá: 10/10
 12. Trình độ chuyên môn: Trung cấp sư phạm – Trung cấp kinh tế
 13. Quá trình công tác:

Từ 1959 – 1962	: Giáo viên văn hóa Tỉnh đội Hà Bắc.
Từ 1962 – 1965	: Cán bộ Ty văn hóa TT tỉnh Hà Bắc.
Từ 1965 – 1977	: Tái ngũ đi B chiến trường miền Đông Nam Bộ.
Từ 1978 – 1982	: Thanh tra sở - Trưởng phòng TCCB.
Từ 1983 – 1990	: Giám đốc xí nghiệp QDCB Gõ Hiệp Thành.
Từ 1991 – nay	: Nghỉ hưu
 14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
 15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
 16. Số cổ phần nắm giữ: 7.200 cổ phần
- Trong đó:*
- + Sở hữu cá nhân: 7.200 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có
18. Các khoản nợ đối với công ty: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

c. Thành viên Ban kiểm soát – Ông Nguyễn Văn Toan

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Toan
2. Giới tính: nam
3. Số CMND: 2707005475 Ngày cấp: 20/06/2007 Nơi cấp: Đồng Nai
4. Ngày tháng năm sinh: 15/08/1948
5. Nơi sinh: Hưng yên
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: Hưng Yên
9. Địa chỉ thường trú: Tổ 5, KP10, P. An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121
11. Trình độ văn hoá: 10/10
12. Trình độ chuyên môn: Trung cấp kinh tế
13. Quá trình công tác:

Từ 1972 – 1980	: Bộ đội Trung đoàn 4, QK7.
Từ 1980 – 1988	: Nhân viên Phòng Tổ chức Sở Công nghiệp Đồng Nai.
Từ 1988 – 4/2008	: Trưởng bộ phận Tổ chức Nhân sự Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
Từ 4/2008 – nay	: Thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng bộ phận Tổ chức Nhân sự Công ty CP bao bì Biên Hòa.
14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên ban kiểm soát kiêm Trưởng bộ phận Tổ chức Nhân sự Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
16. Số cổ phần nắm giữ: 49.080 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 49.080 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có
18. Các khoản nợ đối với công ty: không có
19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có

12.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

a. Giám đốc - Ông Lê Quốc Tuyên

Lý lịch trình bày tại phần 12.1. a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

b. Phó Giám đốc - Ông Phạm Văn Điều

Lý lịch trình bày tại phần 12.1. b. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

c. Phó Giám đốc - Ông Trần Trang Bình

Lý lịch trình bày tại phần 12.1. c. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

d. Phó Giám đốc - Bà Nguyễn Thanh Ngân

Lý lịch trình bày tại phần 12.1. e. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

e. Kế toán trưởng – Lê Thị Tuyết

1. Họ và tên: Lê Thị Tuyết
2. Giới tính: nữ
3. Số CMND: 270117114 Ngày cấp: 07/04/1994Nơi cấp: Đồng Nai
4. Ngày tháng năm sinh: 03/12/1957
5. Nơi sinh: TP.HCM
6. Quốc tịch: Việt Nam
7. Dân tộc: Kinh
8. Quê quán: TP.HCM
9. Địa chỉ thường trú: 2/25B, KP1, P. Tân Mai, Biên Hòa, Đồng Nai.
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (84 - 061) 3 836 121 – 3 836 642
11. Trình độ văn hoá: 12/12
12. Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
13. Quá trình công tác:

- Từ 1981 – 1986 : Kế toán tổng hợp, Nhà máy THCB Gổ Tân Mai.
 Từ 1986 – 08/2003 : Kế toán trưởng nhà máy bao bì Biên Hòa.
 Từ 09/2003 – nay : Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.

14. Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần bao bì Biên Hòa.
 15. Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
 16. Số cổ phần nắm giữ: 17.480 cổ phần
 Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 17.480 cổ phần
 + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 17. Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không có
 18. Các khoản nợ đối với công ty: không có
 19. Hành vi vi phạm pháp luật: không có
 20. Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: không có
 21. Những người có liên quan : Không có

13. TÀI SẢN

13.1. Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2007

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	123.801	94.190	29.610
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	24.601	8.101	16,500
2	Máy móc thiết bị	94.697	82.608	12,089
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.857	2.075	782
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1,646	1.406	239
II.	Tài sản cố định vô hình	1.079	196	883
Tổng cộng		124.879	94.386	30.493

Nguồn: Sovi

13.2. Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo kiểm toán tài chính tại thời điểm 30/09/2008

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	125.409.827.541	102.164.422.267	23.464.748.131
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	24.601.307.865	8.950.334.854	15.650.973.010
2	Máy móc thiết bị	95.484.028.262	89.198.270.452	6.487.100.667
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3.634.799.830	2.406.529.9667	1.228.269.863
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.689.691.584	1.712.264.725	98.404.591
II.	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
Tổng cộng		250.819.655.082	226.090.591.965	46.929.496.262

Nguồn: Sovi

13.3. Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng

DANH SÁCH ĐẤT THUÊ CỦA NHÀ NƯỚC MÀ CÔNG TY ĐANG SỬ DỤNG

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m ²)	Diện tích xây dựng (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời gian Thuê từ ngày 14/08/2003
1	Thửa X - Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.	12.788,1	8.618,3	Nhà xưởng, văn phòng, nhà bảo vệ, nhà ăn, kho.	50 năm
2	Thửa X - Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.	3.942,3	1.521,6	Nhà xưởng, nhà bảo vệ	50 năm
3	Thửa Z - Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.	45.870,0	22.052,0	Nhà xưởng, kho, nhà bảo vệ, nhà ăn.	50 năm
Tổng cộng		62.600,4	32.191,9		

Nguồn: Sovi

14. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC GIAI ĐOẠN 2008- 2010

❖ Chiến lược tái cấu trúc và phát triển nguồn nhân lực:

- Thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty và mỗi bộ phận phù hợp với từng giai đoạn phát triển Công ty cũng như môi trường cạnh tranh khu vực và quốc tế.
- Thiết kế các quy trình công việc đơn giản và hiệu quả, xác định các chỉ tiêu định lượng để đánh giá kết quả thực hiện từng quy trình.
- Rà soát và bổ sung đầy đủ các cơ chế vận hành, cơ chế quản lý của từng bộ phận trong Công ty. Đảm bảo mọi hoạt động quản lý của Công ty phải dựa trên các cơ sở chính sách, quy định, quy trình và các tiêu chuẩn, hướng dẫn công việc. Đồng thời đảm bảo cho mọi thành viên trong Công nhận thức đầy đủ giá trị công việc và các tiêu chuẩn để thực hiện công việc của mình.

- Cải tiến quản lý để tiết giảm chi phí cũng như thúc đẩy các cấp quản trị thường xuyên quan tâm đến hiệu quả khi ra quyết định.
- Xây dựng chương trình đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; cạnh tranh thu hút người tài nhằm phát triển năng lực, kiến thức, kỹ năng quản trị.
- Xây dựng một tổ chức quản trị khoa học, tuân thủ nghiêm túc các quy định quản lý.

❖ **Chiến lược đầu tư tăng trưởng và hiện đại hoá kỹ thuật công nghệ:**

- Về máy móc, thiết bị: Phải được đầu tư đúng mức theo từng giai đoạn phát triển của Công ty cũng như theo nhu cầu của thị trường. Công nghệ phải đảm bảo được quá trình tự động hoá cao để đảm bảo chất lượng cao và ổn định, tiết kiệm chi phí trong quá trình sản xuất.
- Về nhà xưởng: Đủ rộng để bố trí dây chuyền sản xuất liên tục và đảm bảo cho việc dự trữ nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm (Hiện nay Công ty đã đầu tư xong giai đoạn 1 dự án đầu tư thiết bị và mở rộng nhà xưởng bao bì carton mới công suất 25.000tấn/năm tại khu đất đường số 3, KCN Biên Hoà 1 và đang tiếp tục triển khai xây dựng mở rộng giai đoạn 2, dự kiến cuối tháng 10/2007 sẽ đưa vào sử dụng).
- Khác :
 - Lập dự án đầu tư mở rộng phân xưởng bao bì in offset lên công suất 5000 tấn/năm với tổng kinh phí dự kiến 12 tỷ đồng.
 - Lập dự án đầu tư mở rộng phân xưởng xeo giấy lên công suất 10.000tấn/năm với tổng kinh phí dự kiến 15 tỷ đồng.
 - Nghiên cứu và lập dự án tiền khả thi đầu tư PX carton tại Cần Thơ.
 - Nghiên cứu thị trường sản phẩm : Khay giấy, bao bì nhựa.

❖ **Chiến lược hạ thấp chi phí**

Thông qua các chiến lược như thiết kế sản phẩm tối ưu, mua và tồn trữ nguyên vật liệu tối ưu, kiểm soát định mức, cải tiến và tối ưu hóa chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh...

❖ **Chiến lược đa dạng hoá sản phẩm:**

Đây là chiến lược phát triển sản phẩm mới - bao bì in offset nhằm đáp ứng nhu cầu bao bì đồng bộ của khách hàng, cũng như sự tương thích trong một số công đoạn sản xuất đã có sẵn. Lấy các sản phẩm cũ làm sản phẩm chủ lực cho sự phát triển và sản phẩm mới làm đa dạng hóa sản phẩm của công ty.

❖ **Chiến lược ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình sản xuất kinh doanh**

Công ty đã từng bước tin học hóa trong quản lý song thực sự vẫn chưa mang lại hiệu quả do thiếu một chương trình đồng bộ. Vì vậy, Công ty đang triển khai dự án đầu tư một hệ thống thông tin quản trị doanh nghiệp (ERP) của tập đoàn ORACLE mang tính toàn cầu để xử lý một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả các số liệu thông tin nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý năng động.

❖ Chiến lược tiếp thị, xây dựng thương hiệu

Sau khi xây dựng và duy trì được hệ thống kiểm soát nội bộ tốt, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, thoả mãn nhu cầu khách hàng với giá cả cạnh tranh và dịch vụ tốt nhất thì Công ty tiến hành xây dựng thương hiệu nhằm định vị và thu hút khách hàng. Tiếp tục củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu bằng cách nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm của mình, quảng bá và đào tạo cho mỗi nhân viên có một cái nhìn đúng hơn về giá trị thương hiệu cũng như để mỗi nhân viên là một thương hiệu đích thực của Công ty.

❖ Chiến lược hội nhập về phía sau

Mua và lắp đặt thiết bị xeo giấy nhằm tái sử dụng phế liệu, phế phẩm trong quá trình sản xuất, vừa chủ động tự cung cấp một phần nguyên liệu chính, kiểm soát được nguồn nguyên liệu đầu vào, đồng thời tăng thêm lợi nhuận.

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008 – 2010

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2008		Kế hoạch năm 2009		Kế hoạch năm 2010	
	Triệu đồng	tăng giảm so với 2007(%)	Triệu đồng	tăng giảm so với 2008(%)	Triệu đồng	tăng giảm so với 2009(%)
Vốn điều lệ	39.000	0%	54.000	0,00%	80.000	32,50%
Doanh thu thuần	292.480	4%	316.639	8,3%	345.421	9,09%
Lợi nhuận sau thuế	10.576	12,92%	11.942	13,99%	15.520	29,96%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần(%)	3,6%	12,5%	3,8%	5,6%	4,5%	18,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ(%)	27,1%	25,71%	22,12%	-18,43%	19,40%	-12,30%
Cổ tức(%)	12%	0,00	13%	7,69	14%	7,14

Nguồn: Sovi

- Hiện nay, công suất hoạt động của máy móc thiết bị mới đạt 60% so với nhu cầu do công ty chưa có mặt bằng đủ rộng để dự trữ tồn kho, bán thành phẩm. Vì vậy, việc đưa dự án giai đoạn 2 đầu tư mới phân xưởng bao bì carton 25.000 tấn/năm vào sử dụng (dự kiến sẽ đưa

vào sử dụng quý 1 năm 2009) sẽ làm tăng công suất hoạt động của máy móc và tiết giảm chi phí vận chuyển nội bộ, chi phí tồn kho, thuê kho.

- Tiếp tục gia tăng doanh số bán hàng thông qua việc gia tăng doanh số đối với khách hàng cũ từ 7 – 10%/năm. Mở rộng thị trường ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, phát triển thêm từ 20 – 30 khách hàng/năm làm gia tăng khoảng 10% doanh số/năm. Để đạt được điều này, công ty đang xác lập một số chiến lược sau:
 1. Chiến lược thương hiệu: xác định nhóm khách hàng mục tiêu,...
 2. Chiến lược sản phẩm: Tập trung nguồn lực ưu tiên phát triển các sản phẩm bao bì Offset có lợi thế cạnh tranh,...
 3. Mở rộng thị phần: Phân đấu tăng trưởng và mở rộng thị phần với mức tăng trưởng hàng năm > 10%/năm. Giữ và phát triển thị trường cũ, nâng cao về số lượng và chất lượng cho thị trường này,...
- Lập dự án mở rộng phân xưởng xeo giấy từ công suất 2.500 tấn/năm hiện tại lên công suất 10.000 tấn/năm nhằm cung cấp một cách linh hoạt cho Phân xưởng sản xuất sản phẩm bao bì carton - là sản phẩm chính của công ty, trong điều kiện khan hiếm và biến động giá giấy cuộn thất thường hiện nay và cả trong tương lai. Dự kiến dự án sẽ đưa vào sử dụng trong năm 2009 nhằm đáp ứng khoản 40% nguyên liệu đầu vào cho sản phẩm bao bì Carton.
- Ký hợp đồng với Công ty tư vấn thiết kế DAS về việc xây dựng thương hiệu của Công ty nhằm quảng bá hình ảnh và uy tín của công ty trên thị trường, qua đó tạo điều kiện gia tăng doanh số của Công ty.
- Tại thời điểm 30/09/2008 về Doanh thu thuần Công ty đã vượt kế hoạch 5,1%, lợi nhuận sau thuế đạt 91% so với kế hoạch. Trong quý IV/2008 Công ty vẫn đang thực hiện các hợp đồng để đạt được kế hoạch đề ra.

15. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Theo đánh giá của Tổ chức tư vấn, kế hoạch doanh thu và lợi nhuận trong giai đoạn 2008 - 2010 được Công ty xây dựng theo nguyên tắc thận trọng. Cơ cấu doanh thu, chi phí được xây dựng trên nền tảng kết quả thực tế các năm hoạt động trong giai đoạn 2005 - 2007 kết hợp với dự báo các yếu tố biến động trong điều kiện bình thường của thị trường nguyên vật liệu, thị trường tiêu thụ, quy mô sản xuất của Công ty trong tương lai.

Tỷ suất LNST/ DT thuần đạt từ 3 - 5% và tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu đạt từ 17% - 22% là mức tỷ suất hợp lý và khá thận trọng trong điều kiện hiện nay của Công ty cũng như tốc độ phát triển trong tương lai của nền kinh tế và của ngành bao bì carton. Tỷ lệ cổ tức chia

cho các cổ đông được xác định phù hợp, đảm bảo nguồn vốn để tái đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Vì vậy, chúng tôi nhận định Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa có khả năng để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nêu trên.

Song, chúng tôi cũng lưu ý rằng những đánh giá trên chỉ mang tính chất tham khảo cho các nhà đầu tư. Chúng tôi không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn tuyệt đối của những số liệu được dự báo.

16. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA CÔNG TY

Không có.

17. CÁC THÔNG TIN TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY CÓ THỂ GÂY ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Không có.

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu : cổ phiếu phổ thông.
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.
3. Tổng số cổ phiếu niêm yết : 3.900.000 cổ phiếu.
4. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2007 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

	Vốn chủ sở hữu	44.753.932.309
Giá trị sổ sách cổ phiếu	= -----	= -----
	Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ	3.900.000
	=	11.475 đồng

Giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 30/09/2008 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

	Vốn chủ sở hữu	53.490.404.776
Giá trị sổ sách cổ phiếu	= -----	= -----
	Số cổ phần đã phát hành - Cổ phiếu quỹ	3.900.000
	=	13.715 đồng

5. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo quy định hiện hành, cổ phiếu của Công ty Cổ phần bao bì Biên Hòa khi niêm yết trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ tối đa của người nước ngoài là 49%.

Tính tại thời điểm 30/09/2008, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài của Công ty là 0%.

6. Các hạn chế chuyển nhượng

Toàn bộ 317.890 cổ phần của cổ đông nội bộ (HDQT,BKS,KTT,BGD) sẽ bị hạn chế 100% số cổ phần đang nắm giữ trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết và được phép chuyển nhượng 50% trong 6 tháng tiếp theo.

Stt	Họ và tên	Chức danh	SL CK sở hữu
1	Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch HĐQT kiêm GD	25.090
2	Trần Trang Bình	Thành viên HĐQT kiêm P.GD	39.290
3	Phạm Văn Điều	Thành viên HĐQT kiêm P.GD	37.310
4	Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên HĐQT kiêm P.GD	33.020
5	Hàng Xuân	Thành viên HĐQT	84.000
6	Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên HĐQT	24.500
7	Đặng Ngọc Diệp	Thành viên HĐQT	920
8	Lê Thị Tuyết	KTT	17.480
9	Nguyễn Đức Thịnh	BKS	7.200
10	Nguyễn Văn Toan	BKS	49.080
TỔNG CỘNG			317.890

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, Sovi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm từ 2004 - 2006 và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo từ 2007 – 2013. Mức thuế suất hiện tại của Công ty là 15% và được hưởng mức thuế suất này trong vòng 10 năm từ năm 2004 - 2013.

Thuế giá trị gia tăng

Hiện tại Công ty chỉ áp dụng một mức thuế giá trị gia tăng duy nhất là 10%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

Tên : Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC).

Trụ sở chính : Số 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39288080 Fax : (84.4) 39289888
Chi nhánh : 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84.8) 39141991 Fax : (84.8) 39141991
Website : www.bvsc.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Tên : Công ty Kiểm toán DTL
Địa chỉ : Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3, 140 Nguyễn Văn Thủ, P. Đakao, Quận 1.
Điện thoại : (84.8) 38275026 Fax : (84.8) 38275027

PHỤ LỤC

- 1. PHỤ LỤC I : GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH**
- 2. PHỤ LỤC II : ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**
- 3. PHỤ LỤC III : BÁO CÁO KIỂM TOÁN NĂM 2006, 2007 VÀ, BÁO CÁO QUYẾT TOÁN 9 THÁNG NĂM 2008.**
- 4. PHỤ LỤC IV : SƠ YẾU LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BGĐ, KTT**
- 5. PHỤ LỤC V : NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THÔNG QUA VIỆC NIÊM YẾT**
- 6. PHỤ LỤC VI : CAM KẾT NẤM GIỮ CỦA HĐQT, BKS, BGĐ VÀ KTT**